

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 73/2020/TLST - DS ngày 20 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A

Trụ sở: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T; Chức vụ: Tổng giám đốc ngân hàng A.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình Thiện N – Trưởng phòng tín dụng - Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: Số 233 H, thị trấn Đ, huyện C, KonTum.

- *Bị đơn:* Ông A T - Sinh năm 1982

Bà Y D - Sinh năm 1981.

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh KonTum

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông A T và bà Y D trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc 51.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến 27/10/2020 là 12.456.165 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/10/2020 cho đến khi thi hành án xong khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày các bên đương sự có thỏa thuận trả nợ và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả số tiền nói trên thì phải trả lãi phát sinh đối với số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay .

Về án phí và chi phí tố tụng khác: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147, Điều 155. Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông A T và bà Y D phải chịu 1.586.404 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng A - Chi nhánh Đắk Tô số tiền tạm ứng án phí là 1.811.404 đồng theo biên lai số 0003815 ngày 20/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Tô.

Ông A T và bà Y D phải trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh Đắk Tô số tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản là 3.0000.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum,
- VKSND huyện ĐắkTô,
- Chi cục THADS huyện ĐắkTô,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án,

THẨM PHÁN

Lê Hoa Như